

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 67/2026/HNGĐ-ST
Ngày 12-02-2026
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Luân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Minh Út

Ông Trần Hoàng Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau.

Ngày 12 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2026/TLST-HNGĐ ngày 08/01/2026 về việc “tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hồng Quang D, sinh năm: 1999 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Chị Võ Tuyết N, sinh năm: 1998 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Hồng Quang D trình bày:

Anh Hồng Quang D và chị Võ Tuyết N thành hôn với nhau năm 2023, đến năm 2025 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là xã C, tỉnh Cà Mau). Trong thời gian chung sống anh D và chị N phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, sống không hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân từ tháng 06 năm 2025 đến nay. Anh D và chị N không thể hàn gắn đoàn tụ nên yêu cầu được ly hôn. Anh Hồng Quang D và chị Võ Tuyết N có 01 con chung tên Hồng Võ An N1, sinh ngày 07/5/2024 do chị N đang nuôi dưỡng. Anh D yêu cầu tiếp tục giao con chung cho chị N nuôi dưỡng, anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn chị Võ Tuyết N trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án,

Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Võ Tuyết N có nơi cư trú tại xã C, tỉnh Cà Mau. Nguyên đơn anh Hồng Quang D khởi kiện xin ly hôn với chị N nên Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai đối với bị đơn nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nguyên đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định.

[2] Xét về hôn nhân: Anh Hồng Quang D và chị Võ Tuyết N thành hôn với nhau năm 2023 đến năm 2025 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là xã C, tỉnh Cà Mau). Được thể hiện tại Trích lục kết hôn số 79/TLKH-BS ngày 27/6/2025 do Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là xã C, tỉnh Cà Mau) cấp, đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh Hồng Quang D và chị Võ Tuyết N được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo anh D trình bày trong thời gian chung sống anh D và chị N phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, sống không hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân tháng 06 năm 2025 đến nay. Anh D1 và chị N không thể hàn gắn đoàn tụ nên yêu cầu được ly hôn. Bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh D1 và chị N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu ly hôn của anh D1 là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Xét về con chung: Anh Hồng Quang D và chị Võ Tuyết N có 01 con chung tên Hồng Võ An N1, sinh ngày 07/5/2024 chị N đang nuôi dưỡng, anh D yêu cầu tiếp tục giao con chung cho chị N nuôi dưỡng. Xét thấy con chung tên Hồng Võ An N1 hiện do chị N nuôi dưỡng và còn nhỏ cần sự chăm sóc của chị N. Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao Hồng Võ An N1, sinh ngày 07/5/2024 cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Xét về cấp dưỡng nuôi con: Anh Duy tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị N không có ý kiến gì về cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy đây là sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Xét về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Xét về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Hồng Quang D, anh D được ly hôn với chị Võ Tuyết N.

Về con chung: Giao Hồng Võ An N1, sinh ngày 07/5/2024 cho chị N nuôi dưỡng. Anh D1 phải cấp dưỡng cho Hồng Võ An N1 mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Cấp dưỡng tính từ ngày 12/02/2025. Anh Duy có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở anh thực hiện quyền này.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng nêu trên, thì phải chịu khoản tiền lãi chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình anh D1 phải chịu 300.000 đồng, anh D1 có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000152 ngày 01/7/2026 Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu. Án phí cấp dưỡng anh D1 phải chịu 300.000 đồng.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKS cùng cấp;
- THADS tỉnh Cà Mau;
- UBND nơi cấp GCNKH;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Minh Luân

